

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2006/QĐ-NHNN

*Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong
giao dịch thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước****THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Thanh toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong giao dịch thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1247/2003/QĐ-NHNN ngày 20/10/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy định về hệ thống mã Ngân hàng dùng trong giao dịch thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước, Quyết định số 1677/2003/QĐ-NHNN ngày 31/12/2003 về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định 1247 ngày 20/10/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Các Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ mã ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định 1247/2003/QĐ-NHNN ngày 31/12/2003 quy định về mã ngân hàng dùng trong thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Thanh toán, Cục trưởng Cục Công nghệ tin học Ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Nguyễn Đồng Tiến

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về hệ thống mã ngân hàng dùng trong giao dịch thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2006/QĐ-NHNN
ngày 18/01/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Mã ngân hàng là ký hiệu bằng một dãy con số, được quy định theo một nguyên tắc thống nhất và được xác định duy nhất cho mỗi đơn vị tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thuộc đối tượng được cấp mã ngân hàng quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Mã ngân hàng được dùng để nhận biết đơn vị tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (sau đây gọi là ngân hàng), phục vụ cho việc ứng dụng công nghệ tin học trong chuyển tiền điện tử (CTĐT) của Ngân hàng Nhà nước và thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.

Điều 2. Đối tượng được cấp mã ngân hàng

1. Các đơn vị Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Kế toán - Tài chính, Cục Quản trị, các Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh và các đơn vị khác được tham gia thanh toán CTĐT hoặc TTĐTLNH;

2. Các đơn vị tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước, tổ chức khác được làm dịch vụ thanh toán (Hội sở chính hoặc chi nhánh) có mở tài khoản tiền gửi tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để trực tiếp giao dịch thanh toán; hoặc không mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước nhưng được cấp có thẩm quyền chấp nhận cho tham gia TTĐTLNH do Ngân hàng Nhà nước tổ chức.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Kết cấu của mã ngân hàng

Kết cấu mã ngân hàng gồm 2 phần có 8 con số chia thành 5 nhóm như sau:

1. Mã cơ bản: có 5 con số, gồm các nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3, trong đó:

Nhóm 1: Gồm 2 con số đầu bên trái là ký hiệu mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được đánh số từ 10 đến 99 (Phụ lục số 1);

Nhóm 2: Gồm 1 con số (số thứ 3 từ bên trái sang) là ký hiệu loại ngân hàng được đánh số từ 1 đến 9 (Phụ lục số 2);

Nhóm 3: Gồm 2 con số kế tiếp là ký hiệu ngân hàng trong cùng một loại và được đánh số từ 01 đến 99 (Phụ lục số 3).

2. Mã đơn vị: có 3 con số, gồm các nhóm 4 và nhóm 5, trong đó:

Nhóm 4: Gồm 2 con số (trước số kiểm tra) là ký hiệu của một chi nhánh ngân hàng trong cùng một địa bàn tỉnh, thành phố được đánh số từ 01 đến 99;

Nhóm 5: con số thứ 8 tính từ trái qua phải là số kiểm tra.

Ví dụ: Mã ngân hàng: **5120101X** cấp cho ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng có 8 con số trong đó:

51- là ký hiệu thành phố Đà Nẵng

2- là ký hiệu ngân hàng thương mại nhà nước

01- là ký hiệu Ngân hàng Công thương Việt Nam - là ngân hàng thứ 1 thuộc loại ngân hàng thương mại nhà nước.

01- là ký hiệu chi nhánh thứ 1 của Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng.

X- là số kiểm tra.

Điều 4. Quản lý mã ngân hàng

1. Việc cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã cơ bản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Việc cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã đơn vị do Trưởng Ban Thanh toán quyết định và thừa lệnh Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký thông báo phù hợp với kết cấu mã ngân hàng quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Thủ tục cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng

1. Việc cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng đối với các ngân hàng được thực hiện khi đối tượng được cấp mã ngân hàng có sự thay đổi như: thành lập mới, đổi tên gọi, sáp nhập, giải thể và các thay đổi khác dẫn đến phải bổ sung, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng cho phù hợp.

2. Ngân hàng đề nghị cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng phải gửi Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước trên địa bàn hai bộ hồ sơ, gồm các văn bản sau:

a) Văn bản đề nghị của Tổng giám đốc (giám đốc) ngân hàng về việc cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng (ghi chính xác, đầy đủ nội dung, tên giao dịch của ngân hàng đề nghị);

b) Quyết định của đơn vị chủ quản về việc thành lập, đổi tên gọi, chia, tách, sáp nhập hoặc giải thể ngân hàng;

c) Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về việc thành lập, đổi tên gọi, chia, tách, sáp nhập, giải thể ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng;

d) Giấy phép mở chi nhánh (đối với đơn vị mới thành lập).

3. Trong thời gian tối đa 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố phải có ý kiến bằng văn bản về điều kiện hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng và gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ban Thanh toán) kèm theo 01 bộ hồ sơ của ngân hàng.

4. Căn cứ văn bản của Giám đốc Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, hủy bỏ mã ngân hàng, Trưởng Ban Thanh toán có trách nhiệm kiểm tra lại tính xác thực và xử lý:

a) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ đối với mã cơ bản;

b) Thừa lệnh Thống đốc Ngân hàng nhà nước thực hiện cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ đối với mã đơn vị;

c) Thông báo kịp thời bằng văn bản về việc cấp, điều chỉnh, hủy bỏ mã ngân hàng cho Cục Công nghệ Tin học Ngân hàng; các đối tượng được cấp mã ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này và các ngân hàng (hội sở chính) tham gia giao dịch thanh toán qua Ngân hàng Nhà nước.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Trưởng Ban Thanh toán chịu trách nhiệm hướng dẫn, triển khai, giám sát và kiểm tra việc thực hiện quy định về mã ngân hàng theo đúng Quy định này.

Điều 7. Vụ Trưởng Vụ Các ngân hàng và tổ chức tín dụng phi Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp các thông tin cần thiết khi có yêu cầu để phục vụ cho việc cấp, điều chỉnh hoặc hủy bỏ mã ngân hàng.

Điều 8. Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát, kiểm tra việc sử dụng mã ngân hàng tại đơn vị mình theo đúng Quy định này./.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

**KÝ HIỆU MÃ TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

Tên tỉnh, TP	Ký hiệu	Tên tỉnh, TP	Ký hiệu
Hà Nội	10	Ninh Bình	34
Tuyên Quang	11	Thái Bình	35
Hà Giang	12	Thanh Hóa	36
Cao Bằng	13	Nghệ An	37
Lạng Sơn	14	Hà Tĩnh	38
Bắc Cạn	15	Quảng Bình	39
Thái Nguyên	16	Quảng Trị	40
Yên Bái	17	Thừa Thiên - Huế	41
Lào Cai	18	TP. Hồ Chí Minh	50
Điện Biên	19	Đà Nẵng	51
Sơn La	20	Quảng Nam	52
Quảng Ninh	21	Quảng Ngãi	53
Lai Châu	22	Bình Định	54
Hải Phòng	23	Phú Yên	55
Hải Dương	24	Khánh Hòa	56
Hung Yên	25	Đắk Nông	57
Bắc Giang	26	Bình Thuận	58
Bắc Ninh	27	Ninh Thuận	59
Phú Thọ	28	Gia Lai	60
Vĩnh Phúc	29	Kon Tum	61
Hà Tây	30	Đắk Lắk	62
Hòa Bình	31	Lâm Đồng	63
Hà Nam	32	Hậu Giang	64
Nam Định	33	Bình Dương	65

09698602

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Tên tỉnh, TP	Ký hiệu	Tên tỉnh, TP	Ký hiệu
Bình Phước	66	Bến Tre	77
Tây Ninh	67	Vĩnh Long	78
Đồng Nai	68	Trà Vinh	79
Bà Rịa - Vũng Tàu	69	Cần Thơ	80
Long An	70	Sóc Trăng	81
Đồng Tháp	72	Kiên Giang	82
An Giang	74	Bạc Liêu	84
Tiền Giang	76	Cà Mau	85

09698602

KÝ HIỆU LOẠI NGÂN HÀNG

Loại ngân hàng	Ký hiệu
Ngân hàng Nhà nước	1
Ngân hàng thương mại nhà nước	2
Ngân hàng thương mại cổ phần	3
Ngân hàng liên doanh	5
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam	6
Kho bạc Nhà nước	7
Tổ chức tín dụng hợp tác	9

09698602

**KÝ HIỆU SỐ THỨ TỰ CỦA NGÂN HÀNG
TRONG CÙNG MỘT LOẠI**

Tên Ngân hàng	Loại NH	Ký hiệu
1	2	3
1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	1	01
2. Ngân hàng thương mại nhà nước		
Ngân hàng Công thương Việt Nam	2	01
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2	02
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	2	03
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	2	04
Ngân hàng Phát triển Nhà đồng bằng sông Cửu Long	2	05
Ngân hàng Chính sách xã hội	2	07
3. Ngân hàng thương mại cổ phần		
Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội	3	01
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	3	02
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín	3	03
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á	3	04
Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập Khẩu	3	05
Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á	3	06
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu	3	07
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	3	08
Ngân hàng thương mại cổ phần Các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh	3	09
Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	3	10
Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	3	11
Ngân hàng thương mại cổ phần Bắc Á	3	13

Tên Ngân hàng	Loại NH	Ký hiệu
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc Tế	3	14
Ngân hàng thương mại cổ phần Vũng Tàu	3	15
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á	3	17
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Hải Hưng	3	19
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Ninh Bình	3	20
Ngân hàng thương mại cổ phần nhà thành phố Hồ Chí Minh	3	21
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn An Bình	3	23
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Hoa	3	24
Ngân hàng thương mại cổ phần Tân Việt	3	26
Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định	3	27
Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam	3	28
Ngân hàng thương mại cổ phần Đệ Nhất	3	29
Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Đô	3	32
Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông	3	33
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn	3	34
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Đông Phương - Bảo Lộc	3	36
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Đại Á	3	38
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Rạch Kiến	3	39
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Đồng Tháp Mười	3	41
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Mỹ Xuyên	3	43
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Cờ Đỏ	3	46
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Nhơn Ái	3	48
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm	3	51
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Sông Kiên	3	52
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Kiên Long	3	53
Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn Tân Hiệp	3	54
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Á	3	55

09698602

Tên Ngân hàng	Loại NH	Ký hiệu
4. Ngân hàng liên doanh		
VID PUBLIC BANK	5	01
IN DOVINA BANK	5	02
CHOHUNG VINA BANK	5	03
NGÂN HÀNG LIÊN DOANH VIỆT THÁI	5	04
5. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam		
NATEXIS BANQUES - POPULAIRES SUCCURSALE DU VIET NAM	6	01
ANZ BANK	6	02
STANDARD CHARTERED BANK	6	04
CITI BANK	6	05
CHINFON BANK	6	07
MAY BANK	6	09
ABN - AMRO BANK	6	10
BANGKOK BANK	6	12
MIZUHO CORPORATE BANK, LTD	6	13
BNP - PARIBAS	6	14
SHINHAN BANK	6	16
HONGKONG AND SHANGHAI BANK	6	17
UNITED OVERSEAS BANK	6	18
DEUTSCHE BANK	6	19
BANK OF CHINA	6	20
NGÂN HÀNG CALYON	6	21
BANK OF TOKYO - MITSUBISHI	6	22
THE INTERNATIONAL COMMERCIAL BANK OF CHINA	6	23
WOORI BANK	6	24
OVERSEA - CHINESE BANKING COPORATION LTD	6	25
KOREA EXCHANGE BANK	6	26
JP MORGAN CHASE BANK	6	27

Tên Ngân hàng	Loại NH	Ký hiệu
NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT	6	28
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CHINATRUST	6	29
FIRST COMMERCIAL BANK	6	30
FAR EAST NATIONAL BANK	6	32
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG LIÊN DOANH LÀO - VIỆT TP. HỒ CHÍ MINH	6	33
NGÂN HÀNG CATHAY UNITED	6	34
NGÂN HÀNG MALAYAN BANKING BERHAD - TP. HỒ CHÍ MINH	6	35
6. Kho bạc Nhà nước	7	01
7. Tổ chức tín dụng hợp tác		
Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương	9	01
Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở	9	02

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 04.8233947; 04.8231182

Fax: 08044517

Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng